

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH CHÁNH
TP. HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **1008/2020/HNGĐ-ST**

Ngày: 29-9-2020

V/v Tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH – TP. HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng Cẩm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Nguyên
2. Ông Phạm Văn Tuấn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Thùy Dương – *Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh.*

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh tham gia phiên tòa:
Bà Vũ Thị Thái – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2020, tại phòng xử án của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 272/2020/TLST-HNGĐ ngày 27/3/2020 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 200/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 05/8/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 190/2020/QĐST-HNGĐ ngày 01/9/2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị Bích P**, sinh năm: 1977; Địa chỉ: A35/28BF ấp 3B, xã B, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh. (Bà P có mặt tại phiên tòa)
2. Bị đơn: Ông **Trần Văn H**, sinh năm: 1975; Địa chỉ: A35/28BF ấp 3B, xã B, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh. (Ông H vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn ngày 30/9/2019, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm - Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Bích P trình bày:

Bà và ông Trần Văn H bắt đầu chung sống từ năm 1995, do tự tìm hiểu, có tổ chức đám cưới và được Ủy ban nhân dân Phường 9, Quận 8 cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 25/7/1996. Thời gian đầu, bà và ông H chung sống cũng hạnh phúc, đến năm 1998 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do ông H chơi bài bạc rồi có mối quan hệ không rõ ràng với người phụ nữ khác ở bên ngoài, về nhà đánh đập bà. Bà đã bỏ qua cho ông H nhưng khi sinh thêm hai con sau thì hai vợ chồng tiếp tục không tìm

được tiếng nói chung, ông H sống không có trách nhiệm với gia đình. Do các con còn nhỏ nên bà chịu đựng tiếp tục sống cùng ông H nhưng đến năm 2019 thì ông H đã đuổi bà ra khỏi nhà. Các con vẫn sống cùng ông H, bà thuê trọ gần đó nhưng lần nào đến thăm con thì ông H đuổi bà ra khỏi nhà, không cho gặp các con. Mặc dù vậy, mỗi ngày bà vẫn về nhà phụ lo cơm nước, chăm sóc cho các con đi học, đi làm. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà ly hôn với ông Trần Văn H.

Về con chung, bà và ông H có ba con chung tên Trần Minh H1, sinh ngày 03/3/1997, đã trưởng thành; Trần Ngọc Bích T, sinh ngày 02/3/2009 và Trần Hữu Thành Đ, sinh ngày 15/01/2013. Hiện tại cả ba con đang sống với ông H. Khi ly hôn bà yêu cầu giao trẻ T và trẻ Đ cho ông H nuôi dưỡng, tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với bà, bà sẽ lo cho các con theo khả năng của mình.

Về tài sản chung, bà xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung, bà xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa ngày 29/9/2020, bà P thay đổi yêu cầu khởi kiện là bà yêu cầu được nuôi dưỡng trẻ T và trẻ Đ khi ly hôn, bà không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con cùng bà, ông H muốn lo cho con bao nhiêu thì tùy vào trách nhiệm và khả năng của ông H.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh đã tiến hành tổng Đ hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập đương sự tham gia tố tụng theo quy định tại Điều 179 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 nhưng ông Trần Văn H vẫn không đến tham gia tố tụng tại Tòa án và cũng không thể hiện ý kiến của mình bằng bất cứ văn bản nào.

- Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh tham gia phiên tòa phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày, tranh luận của các bên đương sự thì xét thấy thời hạn chuẩn bị xét xử chưa đảm bảo theo quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Bích P khởi kiện yêu cầu được ly hôn với bị đơn ông Trần Văn H. Theo kết quả trả lời xác minh của Công an xã Bình Hưng thì ông H hiện đang cư trú tại A35/28BF ấp 3B, xã Bình Hưng, huyện Bình Chánh nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

[3] Về sự vắng mặt của bị đơn ông Trần Văn H, Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh đã tiến hành tổng Đ hợp lệ thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập đương sự tham gia tố tụng theo quy định tại Điều 179 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 cho ông H nhưng ông H vẫn không đến tham gia tố tụng tại Tòa án nên Hội đồng xét xử đưa vụ án ra xét xử vắng mặt ông H theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015

[4] Về hôn nhân: Theo giấy chứng nhận kết hôn số 60/ĐKKH, Quyền số 01/96 do Ủy ban nhân dân Phường 9, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 25/7/1996 có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa bà P và ông H là hôn nhân hợp pháp được quy định tại Điều 8 Luật hôn nhân và gia đình năm 1986.

[5] Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bà P xác định giữa bà và ông H phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do ông H không có trách nhiệm với gia đình, bất đồng quan điểm sống, tính tình không còn hòa hợp. Vì vậy, bà P yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà ly hôn với ông H.

[6] Hội đồng xét xử xét thấy, theo kết quả xác minh tại địa phương về tình trạng hôn nhân thì không nắm được mâu thuẫn giữa bà P và ông H. Tuy nhiên, việc bà P và ông H mâu thuẫn dẫn đến sống ly thân là có diễn ra. Ông H vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, không thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của bà P. Như vậy, mục đích hôn nhân giữa bà P và ông H đã không Đ được, do đó, bà P yêu cầu ly hôn đối với ông H là hoàn toàn phù hợp với quy định tại Điều 51 và Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[7] Về con chung: Bà P xác nhận giữa bà và ông H có ba con chung tên Trần Minh H1, sinh ngày 03/3/1997, đã trưởng thành; Trần Ngọc Bích T, sinh ngày 02/3/2009 và Trần Hữu Thành Đ, sinh ngày 15/01/2013. Đối với trẻ H1 đã thành niên nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết, bà P có nguyện vọng được nuôi trẻ T và trẻ Đ chung khi ly hôn, không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con cùng bà.

Hội đồng xét xử xét thấy, việc thay đổi, bổ sung yêu cầu khởi kiện của bà P là không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện ban đầu theo quy định tại khoản 1 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận để xem xét.

[7.1] Về quyền nuôi con sau khi ly hôn: Theo biên bản ghi nhận ý kiến ngày 15/7/2020 thì của cháu T có nguyện vọng được tiếp tục sống với cả bà P và ông H; còn cháu Đ có nguyện vọng được sống với mẹ. Tại phiên tòa, bà P xác nhận, mặc dù hiện nay các con đang sống cùng nhà với ông H nhưng việc nuôi dưỡng, chăm sóc các con là do bà, ông H chỉ đưa đón con đi học. Mặt khác, ông H vắng mặt trong suốt quá trình Tòa giải quyết vụ án, không thể hiện ý kiến, nguyện vọng của mình đối với các

con chung. Do vậy, Hội đồng xét xử xem xét khả năng của các đương sự về việc đảm bảo cuộc sống ổn định, tinh thần cho con sau khi ly hôn cũng như căn cứ vào nguyện vọng của trẻ theo quy định khoản 1, khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử xét thấy cần giao cháu T và cháu Đ cho bà P nuôi dưỡng.

[7.2] Về cấp dưỡng, bà P không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con cùng bà nên Hội đồng xét xử tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với ông H.

[8] Về tài sản chung: Bà P xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, còn ông H vắng mặt không thể hiện ý kiến, yêu cầu của ông về tài sản chung giữa ông và bà P. Do đó, Hội đồng xét xử ghi nhận vấn đề tài sản chung theo yêu cầu của bà P, trường hợp các đương sự có tranh chấp sẽ yêu cầu giải quyết trong một vụ án khác.

[9] Về nợ chung: Bà P xác nhận không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết, còn ông H vắng mặt không thể hiện ý kiến, yêu cầu của ông về nợ giữa ông và bà P. Do đó, Hội đồng xét xử ghi nhận vấn đề nợ chung theo yêu cầu của bà P, trường hợp các đương sự có tranh chấp sẽ yêu cầu giải quyết trong một vụ án khác.

[10] Về án phí: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì nguyên đơn bà Nguyễn Thị Bích P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn.

[11] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh về việc giải quyết vụ án là phù hợp nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 179, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 8 Luật hôn nhân và gia đình năm 1986;

Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 69, Điều 71, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 và Điều 116 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Bích P đối với bị đơn ông Trần Văn H về việc tranh chấp ly hôn.

1.1 Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Bích P được ly hôn với ông Trần Văn H. Quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Bích P và ông Trần Văn H chấm dứt cũng như

giấy chứng nhận kết hôn số 60/ĐKKH, Quyền số 01/96 do Ủy ban nhân dân Phường 9, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 25/7/1996 không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

1.2 Về con chung: Bà Nguyễn Thị Bích P và ông Trần Văn H có ba con chung tên Trần Minh H1, sinh ngày 03/3/1997, đã trưởng thành; Trần Ngọc Bích T, sinh ngày 02/3/2009 và Trần Hữu Thành Đ, sinh ngày 15/01/2013.

Giao hai con chung tên Trần Ngọc Bích T, sinh ngày 02/3/2009 và Trần Hữu Thành Đ, sinh ngày 15/01/2013 cho bà Nguyễn Thị Bích P trực tiếp nuôi dưỡng; tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với ông Trần Văn H.

Ông Trần Văn H có quyền tới lui thăm nom, chăm sóc con chung không ai có quyền cản trở, vì lợi ích con chung, khi cần thiết các bên có quyền xin thay đổi việc nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con sau này theo quy định tại Điều 83, Điều 84 và Điều 116 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người đó theo quy định tại Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

1.3 Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị Bích P xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Tòa án không đặt ra giải quyết; trường hợp các đương sự có tranh chấp sẽ yêu cầu giải quyết trong một vụ án khác.

1.4 Về nợ chung: Bà Nguyễn Thị Bích P xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Tòa án không đặt ra giải quyết; trường hợp các đương sự có tranh chấp sẽ yêu cầu giải quyết trong một vụ án khác.

2. Về án phí: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Bích P phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) mà bà P đã nộp theo biên lai thu số AA/2019/0078795 ngày 20/3/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà P đã nộp đầy đủ án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Bích P có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn ông Trần Văn H vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tổng Đ hợp lệ hoặc được niêm yết theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND Thành phố Hồ Chí Minh (1);
- VKSND H. Bình Chánh (2);
- Chi cục THADS H. Bình Chánh (1);
- UBND Phường 9, Quận 8,
Thành phố Hồ Chí Minh (1);
- Các đương sự (2);
- Lưu hồ sơ, VP (3).

Trần Thị Hồng Cẩm